TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 474/2019/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81,82,83,84,110,116,117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 359/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

-Anh Nguyễn Trung V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 1/4 kiệt 278 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Chị Trần Thị V, sinh năm 1992. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 1/4 kiệt 278 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 1, khu vực 1, phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2].Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung V và chị Trần Thị V.

- Về con chung và việc nuôi con: Anh Nguyễn Trung V và chị Trần Thị V công nhận vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Khánh H, sinh ngày 16-3-2013 và Nguyễn Khánh Tr, sinh ngày 01-8-2014; anh V và chị V thỏa thuận: Giao 2 con là Nguyễn Khánh H và Nguyễn Khánh Tr cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng/02 con/01 tháng (tức là: 1.250.000 đồng/1 con/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trung V và chị Trần Thị V công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Nguyễn Trung V và chị Trần Thị V mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng mà anh Nguyễn Trung V và chị Trần Thị V đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008627 ngày 11-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND P. P, TP.H (ĐKKH ngày 19/11/2012);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú